



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000001	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	Nữ	01	30	20	An	
2	000002	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	Nữ	01	29	14	Phương Anh	
3	000003	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	Nữ	01	28	13	Anh	
4	000004	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	KD12A	Nữ	01	27	18	Anh	
5	000005	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	Nữ	01	26	19	Anh	
6	000006	1201031538	Quản Văn	Anh	04/05/2006	KD12A	Nam	01				ĐK
7	000007	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	Nữ	01	25	14	Diệu Anh	
8	000008	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	Nữ	01	24	21	Anh	
9	000009	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	Nữ	01	23	22	Minh	
10	000010	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	Nam	01	22	14	Đạt	
11	000011	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	Nữ	01	19	12	Diệp	
12	000012	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	Nam	01	21	17	Đức	
13	000013	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	Nam	01	20	15	Dũng	
14	000014	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	Nữ	01	16	17	Thùy Dương	
15	000015	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	Nữ	01	17	20	Hương	
16	000016	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	Nữ	01	15	13	Hà	
17	000017	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	Nữ	01				ĐK
18	000018	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	Nữ	01	18	24	Hào	
19	000019	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	Nữ	01	14	10	Hiền	
20	000020	1201020189	Đặng Thu	Hương	23/05/2004	KD12A	Nữ	01				
21	000021	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	Nữ	01	15	02	Huyền	
22	000022	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	Nữ	01		Không	Huyền	đang đi học
23	000023	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	Nam	01				ĐK
24	000024	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	Nam	01	11	16	Kiệt	
25	000025	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	Nữ	01	8	13	Lan	
26	000026	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	Nữ	01	7	05	Linh	
27	000027	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	Nữ	01	9	09	Diệu Linh	
28	000028	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	Nữ	01				HP, ĐK
29	000029	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	Nữ	01	10	05	Linh	
30	000030	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	Nam	01				ĐK
31	000031	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	Nữ	02	3	19	Loan	
32	000032	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	Nữ	02	5	15	Như	
33	000033	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	Nữ	02	4	05	My	
34	000034	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	Nữ	02	1	20	Nga	
35	000035	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	Nữ	02	6	20	Ngân	

Tổng số sinh viên dự thi: 29.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản: 01.....

Cán bộ coi thi 1

Ngày 07. tháng 01. năm 2026

Cán bộ coi thi 2

(Signature)
Nguyễn Thị Thùy Anh

(Signature)
Đặng Thị Thùy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000036	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	Nữ	02	<i>11</i>	<i>10-0</i>	<i>Ngọc</i>	<i>B²</i>
2	000037	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KD12A	Nữ	02	<i>30</i>	<i>22</i>	<i>Ngọc</i>	
3	000038	1201020333	Khương Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	Nữ	02	<i>12</i>	<i>23</i>	<i>Nhi</i>	
4	000039	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	Nữ	02	<i>14</i>	<i>25</i>	<i>Oanh</i>	
5	000040	1201021787	Lý Thu	Phuong	14/10/2006	KD12A	Nữ	02	<i>24</i>	<i>Khong</i>	<i>Phuong</i>	
6	000041	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	Nam	02	<i>17</i>	<i>23</i>	<i>Quang</i>	
7	000042	1201021506	Hoàng Ngọc	Son	17/04/2004	KD12A	Nam	02				HP,ĐK
8	000043	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	Nữ	02		<i>05</i>		
9	000044	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	Nữ	02				ĐK
10	000045	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	Nữ	02	<i>3</i>	<i>20</i>	<i>Thảo</i>	
11	000046	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	Nữ	02	<i>18</i>	<i>08</i>	<i>Thu</i>	
12	000047	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	Nữ	02	<i>27</i>	<i>20</i>	<i>Thư</i>	
13	000048	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	Nữ	02	<i>24</i>	<i>21</i>	<i>Thủy</i>	
14	000049	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	Nữ	02	<i>23</i>	<i>25</i>	<i>Trang</i>	
15	000050	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	Nữ	02	<i>8</i>	<i>19</i>	<i>Trang</i>	
16	000051	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	Nữ	02	<i>19</i>	<i>22</i>	<i>Trang</i>	
17	000052	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	Nữ	02				HP,ĐK
18	000053	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	Nam	02	<i>22</i>	<i>24</i>	<i>Tuấn</i>	
19	000054	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	Nữ	02	<i>13</i>	<i>23</i>	<i>Vân</i>	
20	000055	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	Nữ	02	<i>2</i>	<i>03</i>	<i>Vui</i>	
21	000056	1201020487	Dư Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	Nữ	02				ĐK
22	000057	1201020051	Dương Huyền Phương	Anh	30/10/2006	KD12B	Nữ	03	<i>9</i>	<i>20</i>	<i>Anh</i>	
23	000058	1201020080	Phạm Huyền	Anh	03/07/2005	KD12B	Nữ	03				HP,ĐK
24	000059	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	Nữ	03	<i>15</i>	<i>12</i>	<i>Anh</i>	
25	000060	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	Nữ	03	<i>25</i>	<i>22</i>	<i>Anh</i>	
26	000061	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	Nữ	03	<i>06</i>	<i>20</i>	<i>Chi</i>	
27	000062	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12B	Nữ	03	<i>29</i>	<i>22</i>	<i>Chi</i>	
28	000063	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	Nữ	03	<i>15</i>	<i>17</i>	<i>Chi</i>	
29	000064	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	Nam	03	<i>21</i>	<i>17</i>	<i>Đức</i>	
30	000065	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	Nữ	03	<i>010</i>	<i>20</i>	<i>Dung</i>	
31	000066	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	Nam	03	<i>20</i>	<i>22</i>	<i>Dũng</i>	
32	000067	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	Nữ	03	<i>26</i>	<i>16</i>	<i>Dương</i>	
33	000068	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	Nữ	03	<i>16</i>	<i>22</i>	<i>Dương</i>	
34	000069	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	Nữ	03	<i>17</i>	<i>24</i>	<i>Giang</i>	
35	000070	1201020151	Nguyễn Thủy	Hà	10/05/2006	KD12B	Nữ	03	<i>07</i>	<i>15</i>	<i>Hà</i>	

Tổng số sinh viên dự thi: *30*...

Tổng số tờ giấy thi: *30*...

Tổng số biên bản: *01*...

Cán bộ coi thi 1

Lưu
Đỗ Thị Lam

Ngày *07* tháng *01* năm *2026*

CB CT 2
Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000071	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	Nữ	03	18	14	Huỳnh	
2	000072	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	Nữ	03	28	20	Huỳnh	
3	000073	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	Nữ	03	29	10	Sh	
4	000074	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	Nữ	03	27	12	Huỳnh	
5	000075	1201021774	Hà Hoàng Quỳnh	Hương	28/06/2006	KD12B	Nữ	03				HP,ĐK
6	000076	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	Nữ	03	20	10	Huỳnh	
7	000077	1101020124	Nguyễn Thanh	Huyền	19/08/2005	KD12B	Nữ	03				ĐK
8	000078	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	Nữ	03	26	24	Huỳnh	
9	000079	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	Nữ	03	24	20	Lan	
10	000080	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	Nữ	03	25	20	linh	
11	000081	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	Nữ	03	17	15	Linh	
12	000082	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	Nữ	03	23	12	Loan	
13	000083	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	Nam	03				ĐK
14	000084	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	Nữ	04	22	12	Ly	
15	000085	1201020298	Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	Nữ	04	21	08	My	
16	000086	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	Nữ	04	19	08	Nga	
17	000087	1201020308	Khương Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	Nữ	04	16	20	Ngân	
18	000088	1201020312	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	Nữ	04	14	22	Ngân	
19	000089	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	Nữ	04	30	16	Nguyệt	
20	000090	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	Nữ	04	15	14	Nhi	
21	000091	1201020338	Tăng Hoàng Yên	Nhi	27/05/2006	KD12B	Nữ	04	018	20	Nhi	
22	000092	1201021773	Hoàng Tuyết	Nhung	08/10/2006	KD12B	Nữ	04	13	10	Nhung	
23	000093	1201020359	Ngô Thị Minh	Phương	19/02/2006	KD12B	Nữ	04	12	24	Phong	
24	000094	1201020368	Ngô Ngọc	Quỳnh	03/03/2006	KD12B	Nữ	04	9	14	Quỳnh	
25	000095	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	Nữ	04	11	18	Thảo	
26	000096	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	Nữ	04		Khong	Thảo	Biên bản
27	000097	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	Nữ	04	6	16	Thảo	
28	000098	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	Nữ	04	05	10	Thảo	
29	000099	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	Nữ	04	08	19	Thu	
30	000100	1101020283	Phạm Thị	Thương	11/03/2005	KD12B	Nữ	04	07	16	Thương	
31	000101	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12/05/2003	KD12B	Nữ	04	4	22	Thủy	
32	000102	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	Nam	04				Vấn
33	000103	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	Nữ	04	2	17	Toán	
34	000104	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	Nữ	04	16	20	Trang	
35	000105	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	Nữ	04	03	17	Trang	

Tổng số sinh viên dự thi: 34..

Tổng số tờ giấy thi: 31..

Tổng số biên bản: 01

Ngày 07 tháng 07 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Hoàng Văn Thắng

CBCT 2
Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000106	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	Nữ	04	01	15	Nguyễn Trang	
2	000107	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	Nữ	04	02	15	Tươi	
3	000108	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	Nữ	04	03	15	Vi	
4	000109	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	Nữ	04	04	14	Vy	
5	000110	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	Nữ	04	05	13,5	Yến	
6	000111	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	Nữ	05	06	17	Anh	
7	000112	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	Nam	05	07	18	Anh	
8	000113	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	Nữ	05	08	14,5	Anh	
9	000114	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	Nữ	05	09	14	Anh	
10	000115	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	Nữ	05				HP,ĐK
11	000116	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12C	Nữ	05	10	8,5	Chi	
12	000117	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	Nữ	05	11	18	Cúc	
13	000118	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	Nam	05	12	22,5	Đạt	
14	000119	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	Nữ	05	13	17	Diễm	
15	000120	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	Nữ	05	14	17	Diệu	
16	000121	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	Nữ	05	15	05	Dung	HP
17	000122	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD12C	Nữ	05	16	18	Dương	
18	000123	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	Nữ	05	17	12	Dương	
19	000124	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	Nữ	05	18	13	Giang	
20	000125	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	Nữ	05	07	12,5	Hà	
21	000126	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	Nữ	05	19	22	Hằng	
22	000127	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	Nữ	05	20	20	Hiền	
23	000128	1201021770	Nguyễn Văn	Hiếu	19/11/2006	KD12C	Nam	05	21	14	Hiếu	
24	000129	1201020182	Sái Thị Thu	Hoài	18/11/2006	KD12C	Nữ	05				
25	000130	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	Nữ	05	23	13	Hương	

Tổng số sinh viên dự thi: 23
Tổng số tờ giấy thi: 23
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Văn

Ngày 1 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thảo



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000131	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	Nữ	05	24	12	Huyền	
2	000132	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	Nữ	05	3	22	Khanh	
3	000133	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	Nam	05	6	16	Khánh	
4	000134	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	Nữ	05	7	20	Lam	
5	000135	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	Nữ	05	5	17	Lan	
6	000136	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	Nữ	05	20	10	Linh	Có thi
7	000137	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	Nữ	05				HP,ĐK
8	000138	1201020261	Vũ Thị Thùy	Linh	13/10/2006	KD12C	Nữ	06	7	10	Linh	
9	000139	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	Nam	06	10	10	Luân	
10	000140	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	Nữ	06	8	10	Nga	
11	000141	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	Nữ	06	18	14	Ngân	
12	000142	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	Nữ	06	28	15	Ngọc	
13	000143	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	Nữ	06	4	21	Ngọc	
14	000144	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	Nữ	06	11	17	Nhài	
15	000145	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	Nữ	06	1	22	Nhi	
16	000146	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	Nữ	06	3	20	Nhung	
17	000147	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	Nữ	06	22	10	Phương	
18	000148	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	Nữ	06	14	19	Ph	
19	000149	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	Nữ	06	28	18	Quỳnh	
20	000150	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	Nữ	06	10	18	Tâm	
21	000151	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	Nữ	06	24	14	Thảo	
22	000152	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	Nữ	06	26	18	Thư	
23	000153	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	Nữ	06	21	10	Thùy	
24	000154	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	Nữ	06	30	22	Trang	
25	000155	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	Nữ	06	25	20	Trang	
26	000156	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	Nữ	06	15	23	Trang	
27	000157	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	Nữ	06	13	8,0	Trang	
28	000158	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	Nam	06	18	21	Trung	
29	000159	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	Nữ	06	2	22	Uyên	
30	000160	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	Nữ	06	14	23	Vi	
31	000161	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	Nữ	06	29	18	Xuân	
32	000162	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yên	23/07/2006	KD12C	Nữ	06	12	23	Yên	

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tổng số tờ giấy thi: 31
Tổng số biên bản: 0

Ngày 7 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Lê Minh Hòa

Nguyễn Thị Huyền Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000163	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	Nữ	07	30	05	<i>At</i>	
2	000164	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	Nữ	07	26	07	<i>Anh</i>	
3	000165	1201020075	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/10/2006	KD12D	Nữ	07				ĐK
4	000166	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	Nữ	07	23	20	<i>M</i>	
5	000167	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	Nữ	07	29	20	<i>Anh</i>	
6	000168	1101020036	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	Nữ	07	5	05	<i>At</i>	
7	000169	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	Nữ	07	13	20	<i>Anh</i>	
8	000170	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	Nữ	07	9	22	<i>Chi</i>	
9	000171	1201021477	Phạm Lệ	Diễm	23/06/2006	KD12D	Nữ	07	10	09	<i>Diễm</i>	
10	000172	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	Nữ	07	14	18	<i>Dung</i>	
11	000173	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	Nữ	07	22	25	<i>Quỳnh</i>	
12	000174	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	Nữ	07	21	20	<i>Giang</i>	
13	000175	1201020152	Vũ Nguyễn Nguyệt	Hà	02/01/2006	KD12D	Nữ	07				HP, ĐK
14	000176	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	Nữ	07	20	14	<i>Hân</i>	
15	000177	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	Nữ	07	19	15	<i>Hạnh</i>	
16	000178	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	Nam	07	18	24	<i>Hình</i>	
17	000179	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	Nữ	07	12	10	<i>Hương</i>	
18	000180	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	Nữ	07	07	60	<i>Huyền</i>	
19	000181	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	Nữ	07				✓
20	000182	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	Nam	07	17	05	<i>Khôi</i>	
21	000183	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	Nam	07	15	16	<i>Thanh</i>	
22	000184	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	Nữ	07	02	18	<i>Lan</i>	
23	000185	1201020241	Dur Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	Nữ	07	03	13	<i>Linh</i>	
24	000186	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	Nữ	07	08	10	<i>Linh</i>	
25	000187	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	Nữ	07	09	20	<i>Quỳnh</i>	

Tổng số sinh viên dự thi: *22*.....

Tổng số tờ giấy thi: *22*.....

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày *7*..... tháng *1*..... năm *2026*

Cán bộ coi thi 1

Tuyl
Trần T. Trang

CB CT 2

Nguyễn Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000188	1101020958	Trần Thị Thúy	Hiền	29/12/2005	KD12D	Nữ	08	59	15	Thúy	
2	000189	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	Nữ	08	57	05	Mẫn	
3	000190	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	Nữ	08	60	15	Minh	
4	000191	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	Nữ	08	44	05	My	
5	000192	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	Nữ	08				Vắng
6	000193	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	Nữ	08	47	22	Ngọc	
7	000194	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	Nữ	08	58	20	Nguyên	
8	000195	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	Nữ	08	42	18	Nhi	
9	000196	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	Nữ	08	43	20	Nhi	
10	000197	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	Nữ	08	46	07	Ninh	
11	000198	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	Nam	08	56	24	Phương	
12	000199	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	Nữ	08	55	22	Phương	
13	000200	1201020371	Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2006	KD12D	Nữ	08				HP,ĐK
14	000201	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	Nam	08	54	17	Tân	
15	000202	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	Nữ	08	53	18	Thảo	
16	000203	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	Nữ	08	52	25	Thảo	
17	000204	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	Nữ	08	51	10	Thủy	
18	000205	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	Nữ	08	50	16	Trà	
19	000206	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	Nữ	08	49	13	Trang	
20	000207	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	Nữ	08	48	17	Trang	
21	000208	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	Nữ	08	45	17	Trang	
22	000209	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	Nữ	08	41	22	Trang	
23	000210	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	Nữ	08	40	24	Trang	
24	000211	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	KD12D	Nữ	08	35	20	Uyên	
25	000212	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	Nam	08	38	10	Vĩ	
26	000213	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	Nữ	08	39	20	Ý	
27	000214	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	Nữ	08	37	20	Yến	
28	000215	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	Nữ	09	34	16	Anh	
29	000216	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	Nữ	09	36	18	Anh	
30	000217	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	Nữ	09	52	22	Anh	
31	000218	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	Nữ	09	33	10	Anh	
32	000219	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	Nữ	09	31	21	Ánh	
33	000220	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	Nữ	09	52	19	Chi	
34	000221	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	Nam	09	54	18	Cường	
35	000222	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	Nữ	09	55	15	Diễm	

Tổng số sinh viên dự thi: 33....

Tổng số tờ giấy thi: 33....

Tổng số biên bản: 0....

Cán bộ coi thi 1

Ngày 08 tháng 01 năm 2026

Quản Thị Hoàng Anh
Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000223	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	Nữ	09	60	24		
2	000224	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	Nữ	09	59	10		
3	000225	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	Nữ	09	45	23		
4	000226	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	Nữ	09	46	20		
5	000227	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	Nữ	09	58	23		
6	000228	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	Nữ	09	56	15		
7	000229	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	Nữ	09	50	18		
8	000230	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	Nữ	09	57	19		
9	000231	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	Nữ	09	55	23		
10	000232	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	Nữ	09	54	23		
11	000233	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	Nữ	09	53	15		
12	000234	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	Nữ	09	49	15		
13	000235	1201020200	Nguyễn Khánh	Hường	28/12/2006	KD12E	Nữ	09	51	19		
14	000236	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	Nữ	09	52	10		
15	000237	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	Nữ	09	48	16		
16	000238	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	Nữ	09	47	20		
17	000239	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	Nam	09	44	24,5		
18	000240	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	Nữ	09	41	24		
19	000241	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	Nữ	09	43	17		
20	000242	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	Nữ	10	42	19		
21	000243	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	Nữ	10	31	18		
22	000244	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	Nữ	10	39	22		
23	000245	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	Nữ	10	34	23		
24	000246	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	Nam	10	32	22		
25	000247	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	Nữ	10	33	24		

Tổng số sinh viên dự thi: 25.....

Tổng số tờ giấy thi: 25.....

Tổng số biên bản: 0.....

Cán bộ coi thi 1

Đào Thị Hồng Lam

Ngày ..7.. tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Cẩm Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000248	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	Nữ	10	60	19	Ngọc	
2	000249	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	Nữ	10	59	15	Nguyễn	
3	000250	1201021813	Đỗ Trần Yến	Nhi	07/06/2006	KD12E	Nữ	10	57	10	Nhi	
4	000251	1201020341	Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	KD12E	Nữ	10	58	17	Nhi	
5	000252	1201020343	Nguyễn Thị Huyền	Như	03/02/2006	KD12E	Nữ	10				HP,ĐK
6	000253	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	Nữ	10	56	17	Ninh	
7	000254	1201020354	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	Nữ	10	53	16	Phương	
8	000255	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	Nữ	10	48	16	Quỳnh	
9	000256	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	Nữ	10	40	18	Thanh	
10	000257	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	Nữ	10	51	20	Thảo	
11	000258	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	Nữ	10	52	10	Thư	
12	000259	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	Nữ	10	54	22	Thủy	
13	000260	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	Nữ	10	50	22	Trâm	ĐK 2h có thi
14	000261	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	Nữ	10	44	22	Trang	
15	000262	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	Nữ	10	45	20	Trang	
16	000263	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	Nữ	10	46	23	Trang	
17	000264	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	Nữ	10	49	24	SĐ	
18	000265	1201020468	Lê Thủy	Vân	17/09/2006	KD12E	Nữ	10	47	20	Ánh	
19	000266	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	Nam	10	42	13	Việt	
20	000267	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	Nữ	11	36	10	Anh	
21	000268	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	Nữ	11	43	22	Anh	
22	000269	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	Nữ	11	38	14	Anh	
23	000270	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	Nữ	11	55	23	Anh	
24	000271	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	Nữ	11	39	18	Ánh	
25	000272	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	Nữ	11	31	15	Ánh	
26	000273	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	Nữ	11	32	20	Chi	
27	000274	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	Nữ	11	37	21	Đào	(21)
28	000275	1201020114	Hoàng Thị	Diễm	10/01/2005	KD12G	Nữ	11	35	18	Diễm	
29	000276	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	Nữ	11	33	16	Dịu	
30	000277	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	Nữ	11	34	23	Ánh	
31	000278	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	Nam	11	59	22	Duy	
32	000279	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	Nữ	11	58	15	Hà	
33	000280	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	Nữ	11	47	17	Hải	
34	000281	1201020159	Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	Nữ	11	40	16	Hân	

Tổng số sinh viên dự thi: 33...

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 2 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000282	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	Nữ	11	60	17,0	Hạnh	
2	000283	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	Nữ	11	59	12	Hiền	
3	000284	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	Nữ	11	58	21	Hiền	
4	000285	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	Nữ	11	43	17	Huế	
5	000286	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	Nữ	11	57	10	Hương	
6	000287	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	Nam	11	56	16	Huy	
7	000288	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	Nữ	11	55	19	Huyền	
8	000289	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	Nam	11	54	21	Khánh	
9	000290	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	Nam	11	52	11	Kiên	
10	000291	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	Nữ	11	53	16	Lan	
11	000292	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	Nữ	11	34	19	Loan	
12	000293	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	Nữ	12	51	21,5	Như	
13	000294	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	Nữ	12	39	18	Uiz	
14	000295	1201020274	Chu Thị Hương	Ly	22/01/2006	KD12G	Nữ	12				Đang
15	000296	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	Nữ	12				Đang
16	000297	1201020295	Nguyễn Tiến	Minh	23/10/2006	KD12G	Nam	12	49	05	Minh	
17	000298	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	Nam	12	40	08	Nam	
18	000299	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	Nữ	12				Đang
19	000300	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	Nam	12	42	20	Nghiêm	
20	000301	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	Nữ	12	45	12	Nhi	
21	000302	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	Nữ	12	47	17	Như	
22	000303	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	Nữ	12	46	10	Oanh	
23	000304	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	Nam	12	41	25	Phát	
24	000305	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	Nữ	12	48	08	Phường	
25	000306	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	Nữ	12	44	15	Phượng	

Tổng số sinh viên dự thi:.....22.....
Tổng số tờ giấy thi:.....22.....
Tổng số biên bản:.....0.....

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Văn

Ngày .. tháng .. năm ..

Cán bộ coi thi 2

Đặng T. Phượng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000307	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	Nữ	12	60	05	Quỳnh	
2	000308	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	Nữ	12	57	23	Thảo	
3	000309	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	Nữ	12				HP,ĐK
4	000310	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	Nữ	12	55	12	Thảo	
5	000311	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	Nữ	12	54	23	Thư	
6	000312	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	Nữ	12	58	19	Thủy	
7	000313	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	Nữ	12	65	10	Trâm	
8	000314	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	Nữ	12	59	16	Trang	
9	000315	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	Nữ	12	52	19	Trang	
10	000316	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	Nữ	12	53	18	Trang	HP
11	000317	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	Nam	12	51	17	Trung	
12	000318	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	Nam	12	50	22	Tuấn	
13	000319	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	Nữ	12	45	13	Vân	
14	000320	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	Nam	12	46	15		
15	000321	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	Nữ	13	56	20	Anh	
16	000322	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	Nữ	13	60	24	Anh	
17	000323	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	Nữ	13	40	17	P.Anh	
18	000324	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	Nam	13	42	16	Anh	
19	000325	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	Nữ	13	54	23	Anh	
20	000326	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	Nữ	13	49	17	Ann	
21	000327	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	Nữ	13	44	13	Anh	
22	000328	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	Nữ	13	48	21	Chi	
23	000329	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	Nam	13	60	05	Đạt	
24	000330	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	Nữ	13	55	14	Dung	
25	000331	1201011218	Trần Thuỳ	Dương	09/05/2006	TC12A	Nữ	13	39	16	Dương	
26	000332	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	Nam	13	48	08	Duy	
27	000333	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	Nữ	13	43	23	Duyên	
28	000334	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	Nam	13	36	23	Hà	
29	000335	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	Nữ	13	47	20	Hà	
30	000336	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	Nữ	13	41	14	Hằng	
31	000337	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	Nữ	13	31	15	Hiếu	
32	000338	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	Nam	13				✓
33	000339	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	Nữ	13	58	23	Hoài	
34	000340	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	TC12A	Nam	13				ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 31...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 07... tháng 1... năm 2026

Cán bộ coi thi 1

CBCT 2
Lê Thị Thùy Hà
Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000341	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	Nữ	13	33	15	Huệ	
2	000342	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	Nam	13	41	20	Huy	
3	000343	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	Nữ	13	31	10	Lan	
4	000344	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	Nữ	13	32	17	Linh	
5	000345	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	Nữ	13	35	18	Linh	
6	000346	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	Nữ	13				HP
7	000347	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	Nữ	13	34	22	Linh	
8	000348	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	Nữ	13	36	22	Linh	
9	000349	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	Nữ	13	39	22	Linh	
10	000350	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	TC12A	Nữ	13	38	17	Linh	
11	000351	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	Nữ	14	37	23	Mai	
12	000352	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	Nữ	14	60	18	Mai	
13	000353	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	Nam	14	56	23	Minh	
14	000354	1201011334	Đinh Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	Nam	14	59	18	Minh	
15	000355	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	Nữ	14	58	20	Ngân	
16	000356	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	TC12A	Nữ	14	57	17	Ngọc	
17	000357	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	Nữ	14	54	22	Ngọc	
18	000358	1201011358	Dur Thị Thảo	Nguyễn	17/01/2006	TC12A	Nữ	14	53	20	Nguyễn	
19	000359	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	Nữ	14				ĐK
20	000360	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	Nữ	14	48	17	Nhung	
21	000361	1201011380	Hoàng Lan	Phương	13/08/2006	TC12A	Nữ	14				HP,ĐK
22	000362	1201011382	Nguyễn Nam	Phương	01/10/2006	TC12A	Nam	14	47	22	Phương	
23	000363	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyền	11/10/2006	TC12A	Nam	14	44	05	Quyền	
24	000364	1201011397	Trần Thái	Sơn	16/06/2006	TC12A	Nam	14				HP,ĐK
25	000365	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	Nữ	14	52	23	Tâm	
26	000366	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	Nữ	14	46	17	Tâm	
27	000367	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	Nữ	14	45	20	Thảo	
28	000368	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	Nữ	14	55	23	Thảo	
29	000369	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	Nam	14	43	15	Thọ	
30	000370	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	Nữ	14				ĐK
31	000371	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	Nữ	14	40	20	Thùy	
32	000372	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	Nữ	14	51	20	Trâm	
33	000373	1201011437	Đỗ Hà	Trình	04/11/2006	TC12A	Nữ	14	49	15	Trình	
34	000374	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	Nam	14	42	15	Tú	

Tổng số sinh viên dự thi: 29.....

Tổng số tờ giấy thi: 29.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày ... tháng ... năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Hồ Chí Tâm

Học sinh: Hoàng Thị Huệ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000375	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	Nam	14	73	10	Tùng	
2	000376	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	Nữ	15	90	18	Anh	
3	000377	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	Nữ	15	80	22	Phương Anh	
4	000378	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	Nữ	15	89	13	Anh	
5	000379	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	Nữ	15	88	16	Anh	
6	000380	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	Nữ	15	86	10	Anh	
7	000381	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	Nữ	15	85	25	Anh	
8	000382	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	Nữ	15	87	20	Bảo	
9	000383	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	Nam	15	84	25	Đạt	
10	000384	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	Nam	15	83	15	Duy	
11	000385	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	Nam	15				HP,ĐK
12	000386	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	Nam	15	82	10	Hải	
13	000387	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	Nữ	15	79	20	Hạnh	
14	000388	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	Nữ	15	81	14	Hiền	
15	000389	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	Nam	15	76	16	Hiếu	
16	000390	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	Nữ	15	77	23	Hoa	
17	000391	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	Nam	15				HP,ĐK
18	000392	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	Nữ	15	78	21	Hương	
19	000393	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	Nữ	15	71	10	Huyền	
20	000394	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	Nam	15				HP,ĐK
21	000395	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	Nữ	15	69	21	Linh	
22	000396	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	Nữ	15	72	10	Linh	
23	000397	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	Nữ	15	74	21	Linh	
24	000398	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	Nữ	15	69	24	Linh	
25	000399	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	Nữ	15	75	05	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Tổng số tờ giấy thi: 22

Tổng số biên bản: 2

Ngày thi: 7 tháng 1 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

CB 2

Quản T. Hoàng Anh

Ng TC Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000400	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	Nữ	16	63	15	Linh	
2	000401	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	Nam	16	61	23	Cong	
3	000402	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	Nữ	16	62	25	Mai	
4	000403	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	Nam	16	62	24	Minh	
5	000404	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	Nam	16	65	13	Minh	
6	000405	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	Nữ	16	68	24	Mỹ	
7	000406	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	Nữ	16	71	25	Ngọc	
8	000407	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	Nữ	16	76	17	Ma 2	
9	000408	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyễn	30/01/2006	TC12B	Nữ	16	64	15	Nguyễn	
10	000409	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	Nữ	16	67	19	Nhi	
11	000410	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	Nữ	16	69	15	Nhi	
12	000411	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	Nữ	16	66	17	Nhung	
13	000412	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	Nam	16	88	15	Phy	
14	000413	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	Nam	16	90	25	Phú	
15	000414	1201011381	Nguyễn Linh	Phuong	18/04/2006	TC12B	Nữ	16	89	24	Phuong	
16	000415	1201011385	Trần Mai Thu	Phuong	21/12/2006	TC12B	Nữ	16	84	24	Phuong	
17	000416	1201011387	Lèng Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	Nam	16	76	22	Quang	HP
18	000417	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	Nam	16	83	24	Quyết	
19	000418	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	Nữ	16	73	20	Tâm	
20	000419	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	Nam	16	80	21	Tâm	
21	000420	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	Nữ	16	90	21	Thanh	
22	000421	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	Nữ	16	82	21	Thảo	
23	000422	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	Nữ	16	85	21	Thảo	
24	000423	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	Nam	16	79	19	Thuận	
25	000424	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	Nữ	16	84	20	Trà	
26	000425	1201011439	Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	Nam	16	78	19	Trường	
27	000426	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	Nam	16	81	25	Tú	
28	000427	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	Nữ	16	86	19	Vy	
29	000428	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	Nam	17				ĐK
30	000429	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	Nữ	17	75	19	Diệp	
31	000430	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	Nữ	17	72	19	u. Anh	
32	000431	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	Nữ	17	70	15	Quỳnh	
33	000432	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	Nam	17	74	23	Anh	
34	000433	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	Nữ	17				ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 32.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Đào T. Hg Lam

Cán bộ coi thi 2

Ng T. Thảo



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000434	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	Nữ	17	90	10	Ph	
2	000435	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	Nam	17	89	14	Ph	
3	000436	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	Nữ	17	89	15	Ph	
4	000437	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	Nam	17	82	17	Đ	
5	000438	1201011202	Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	Nam	17	87	10	Đ	
6	000439	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	Nam	17				ĐK
7	000440	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	Nam	17	85	10	Ph	
8	000441	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	Nữ	17	88	17	Ph	
9	000442	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	Nam	17	86	23	H	
10	000443	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	Nữ	17	84	15	H	
11	000444	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	Nam	17	83	15	H	
12	000445	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	Nam	17	80	08	H	
13	000446	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	Nam	17	79	10	H	
14	000447	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	Nam	17	61	21	H	
15	000448	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	Nam	17				HP,ĐK
16	000449	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	Nam	17	71	18	K	
17	000450	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	Nữ	18	78	19	L	
18	000451	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	Nữ	18	76	17	L	
19	000452	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	Nữ	18	75	18	L	
20	000453	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	Nữ	18	74	10	L	
21	000454	1201011313	Tạ Khánh	Linh	20/06/2005	NH12A	Nữ	18	73	15	L	
22	000455	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	Nữ	18	77	22	L	
23	000456	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	Nam	18	65	22	M	
24	000457	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	Nữ	18	69	16	M	
25	000458	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	Nam	18	70	21	N	
26	000459	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	Nữ	18	63	19	N	HP
27	000460	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	Nam	18	64	23	D	
28	000461	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	Nữ	18	62	18	P	
29	000462	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	Nam	18				
30	000463	1201011378	Đàm Quỳnh	Phuong	15/04/2006	NH12A	Nữ	18	68	16	Ph	
31	000464	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	29/09/2006	NH12A	Nữ	18	67	23	Ph	
32	000465	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	Nữ	18	72	18	Ph	
33	000466	1201011395	Nguyễn Hùng	Son	16/08/2006	NH12A	Nam	18	65	20	S	
34	000467	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	Nam	18	66	20	T	

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 02 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

28/1/2026

Ph



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000468	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	Nữ	18	68	22	Thư	
2	000469	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	Nữ	18	87	18	Trà	
3	000470	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	Nam	18	63	18	Tú	
4	000471	1201011444	Nguyễn Đức	Tuấn	01/05/2006	NH12A	Nam	18				✓
5	000472	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	Nam	18	60	17		
6	000473	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	Nữ	18	77	18		
7	000474	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	Nữ	19				ĐK
8	000475	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	Nữ	19	81	19,5	Quỳnh	
9	000476	1201011157	Hoàng Kỳ	Anh	13/09/2006	NH12B	Nam	19				HP, ĐK
10	000477	1201011159	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/2006	NH12B	Nam	19	84	15	Anh	
11	000478	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	Nữ	19	90	13	Anh	
12	000479	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	Nữ	19	67	05	Anh	
13	000480	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	Nữ	19	76	18	Anh	
14	000481	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	Nam	19	66	3,0	Bảo	
15	000482	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	Nữ	19	78	22	Chinh	
16	000483	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	Nam	19	85	20,5	Đạt	
17	000484	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	Nam	19	89	15	Đức	
18	000485	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	Nam	19				✓
19	000486	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	Nữ	19	86	15	Hân	
20	000487	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	Nữ	19	79	18	Hiền	
21	000488	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	Nam	19	75	15	Hiếu	
22	000489	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	Nam	19	88	22	Hiếu	
23	000490	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	Nam	19	72	15	Huy	
24	000491	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	Nữ	19	69	19	Huệ	
25	000492	1201011273	Nguyễn Đức	Hưng	18/01/2006	NH12B	Nam	19	65	22	Hưng	
26	000493	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	Nữ	19	71	19	Hường	
27	000494	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	Nam	19	77	13	Huy	
28	000495	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	Nam	19	64	18	Huy	
29	000496	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	Nữ	19	61	22	Huyền	
30	000497	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	Nam	19	80	15	Khoa	
31	000498	1201011293	Vũ Thành	Liêm	03/01/2006	NH12B	Nam	20	74	22,5	Liêm	
32	000499	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	Nữ	20	83	13	Linh	
33	000500	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	Nữ	20	70	14,5	Linh	
34	000501	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	Nữ	20	82	10	Khánh	

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày ... tháng ... năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn T. Văn

Hoàng T. H. Công



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000502	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	Nữ	20	90	6,0	ly	
2	000503	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	Nữ	20	79	06	My	
3	000504	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	Nữ	20	82	05	My	
4	000505	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	Nam	20	89	05	Cham	
5	000506	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	Nữ	20	86	06	Ngọc	
6	000507	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	Nam	20	81	05	Phúc	
7	000508	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	Nam	20	85	16	Phúc	
8	000509	1201011379	Đào Minh	Phuong	13/02/2006	NH12B	Nữ	20	87	21	Phuong	
9	000510	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	Nam	20	77	15	Quân	
10	000511	1201011394	Giáp Hồng	Son	24/07/2006	NH12B	Nam	20	88	21	Son	
11	000512	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	Nam	20	74	22	Son	
12	000513	1201011403	Đào Tắt	Thắng	20/01/2006	NH12B	Nam	20	76	16	Thắng	
13	000514	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	Nữ	20	84	18	Thư	
14	000515	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	Nữ	20	83	16	Thư	
15	000516	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	Nam	20				ĐK
16	000517	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	Nam	20	80	22	Tuấn	
17	000518	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	Nam	20				
18	000519	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	Nữ	20	78	17	Yến	
19	000520	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	Nữ	21	72	13	Anh	
20	000521	1201030703	Hồ Vũ Văn	Anh	31/10/2006	QT12A	Nữ	21	69	19	Anh	
21	000522	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	Nữ	21	75	23	Anh	
22	000523	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	Nam	21				HP, ĐK
23	000524	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	Nam	21				ĐK
24	000525	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	Nữ	21	73	13	Anh	
25	000526	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	Nam	21	71	20	Bách	

Tổng số sinh viên dự thi: 24
Tổng số tờ giấy thi: 24
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Minh Hòa

Ngày 7 tháng 1 năm 2026
Cán bộ coi thi 2
Đặng T. Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000527	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	QT12A	Nam	21	80	08	Bình.	
2	000528	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	Nữ	21	85	07	Chi	
3	000529	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	Nam	21	89	12	Cương	
4	000530	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	Nam	21				ĐK
5	000531	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	Nữ	21	90	10	Diệp	
6	000532	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	Nam	21	83	22	Đức	
7	000533	1201030794	Lương Chí	Dũng	25/08/2006	QT12A	Nam	21				HP,ĐK
8	000534	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	Nam	21				ĐK
9	000535	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	Nam	21	84	21	Duy	
10	000536	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	Nữ	21	88	05	Duyên	
11	000537	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	Nam	21	87	08	Hà	
12	000538	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	Nam	21	81	23	Hải	
13	000539	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	Nữ	21	86	18	Hạnh	
14	000540	1201031733	Bùi Đặng Minh	Hiển	08/10/2006	QT12A	Nam	21	79	19	Hiển	
15	000541	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	Nữ	21	82	22	Hoa	
16	000542	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	Nữ	21	78	21	Hoài	
17	000543	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	Nữ	21	79	13	Hồng	
18	000544	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	Nam	21	77	05	Hùng	
19	000545	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	Nữ	21	76	07	Hường	
20	000546	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	Nam	21				ĐK
21	000547	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	Nam	22				ĐK
22	000548	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	Nam	22	75	07	Khoa	
23	000549	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	Nam	22	73	09	Linh	
24	000550	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	Nữ	22	72	11	Linh	
25	000551	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	Nữ	22	71	07	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 20

Tổng số tờ giấy thi: 20

Tổng số biên bản: 3

Ngày 08 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

CBCT2

Đặng Thị Hiền

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Văn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000552	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	Nam	22	120	05	Long	
2	000553	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	Nữ	22	119	22	Mai	
3	000554	1201030965	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	03/07/2006	QT12A	Nam	22				ĐK
4	000555	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	Nam	22	118	05	Minh	
5	000556	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	Nam	22	117	23	M	
6	000557	1201030982	Vũ Hải	Nam	13/11/2006	QT12A	Nam	22				HP,ĐK
7	000558	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	Nữ	22	114	18	Ngọc	
8	000559	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	Nữ	22	91	17	Như	
9	000560	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	QT12A	Nữ	22	113	15	Phúc	
10	000561	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phuong	03/01/2006	QT12A	Nữ	22	116	15	Phuong	
11	000562	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phuong	11/06/2005	QT12A	Nữ	22	115	10	Phuong	
12	000563	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	03/11/2005	QT12A	Nữ	22				✓
13	000564	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	Nam	22	112	20	Sang	
14	000565	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	Nam	22	111	10	Thành	
15	000566	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	Nữ	22	92	08	Thảo	
16	000567	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	Nữ	22	93	05	Thoa	
17	000568	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	Nữ	22	94	17	Thúy	
18	000569	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	Nữ	22	95	10	Trang	
19	000570	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	Nữ	22				HP
20	000571	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	Nam	22	97	20	Triệu	
21	000572	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	Nam	22	96	15	Tuấn	
22	000573	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	Nữ	22	98	22	Uyên	
23	000574	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	Nam	22				ĐK
24	000575	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	Nam	23	100	17	Anh	
25	000576	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	Nam	23	99	22	Anh	
26	000577	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	Nữ	23	101	15	Anh	
27	000578	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	Nữ	23		18	Anh	
28	000579	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	Nữ	23	103	19	Băng	
29	000580	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	Nam	23				ĐK
30	000581	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	Nam	23	104	20	Đức	
31	000582	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	Nữ	23	105	20	Dung	
32	000583	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	Nam	23	102	15	Dương	
33	000584	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	Nam	23				HP
34	000585	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	Nữ	23	106	19	Giang	

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 1

Ngày .. tháng .. năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Quản Thị Hoàng Anh Hoàng Thị H. Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000586	1201031662	Nguyễn Văn	Hà	07/09/2006	QT12B	Nam	23				HP,ĐK
2	000587	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	Nữ	23	120	23	Hằng	
3	000588	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	Nam	23				HP,ĐK
4	000589	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	Nữ	23	119	02	Hoa	
5	000590	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	Nữ	23	115	18	Hoài	
6	000591	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	Nam	23	118	19	Huân	
7	000592	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	Nữ	23	117	05	Huệ	
8	000593	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	Nam	23	111	20	Hùng	
9	000594	1201031650	Nguyễn Trung	Hung	18/10/2006	QT12B	Nam	23	116	21	Hung	
10	000595	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	Nam	23				Đặng
11	000596	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	Nam	23	113	20	Khánh	
12	000597	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	Nam	23	112	05	Khánh	
13	000598	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	Nam	24	109	19	Kiên	
14	000599	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	Nữ	24	111	22	Linh	
15	000600	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	Nữ	24	107	17	Phương	
16	000601	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	Nữ	24	108	10	Linh	
17	000602	1201030934	Tô Thị Yến	Linh	25/12/2006	QT12B	Nữ	24	110	Không	Linh	BB
18	000603	1201030944	Nhữ Ngọc	Long	26/03/2006	QT12B	Nam	24				ĐK
19	000604	1201030947	Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	Nam	24	105	Không	Luân	BB
20	000605	1201030970	Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	Nam	24	97	17	Minh	
21	000606	1201031560	Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	QT12B	Nữ	24	102	20	My	
22	000607	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	Nam	24	100	21	Năng	
23	000608	1201030995	Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	Nữ	24	95	20	Ngọc	
24	000609	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	Nữ	24	94	19	Nguyệt	
25	000610	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	Nữ	24	91	23	Nhung	
26	000611	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	Nữ	24	106	19	Quyên	
27	000612	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	Nam	24	104	05	Thái	
28	000613	1201031057	Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	Nữ	24	98	12	Thảo	
29	000614	1201031071	Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	Nữ	24	92	04	Thu	
30	000615	1201031574	Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	Nữ	24	96	10	Trà	
31	000616	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	Nữ	24	103	14	Trang	
32	000617	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	Nữ	24	99	15	Trang	
33	000618	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	Nam	24	93	15	Triệu	
34	000619	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	Nam	24	101	10	Tuyên	

Tổng số sinh viên dự thi: 30....

Tổng số tờ giấy thi: 30....

Tổng số biên bản: 02.....

Ngày ..8.. tháng ..1.. năm ..2026..

Cán bộ coi thi 1

Đặng Thị Phương

CBCT 2

Đặng Thị Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000620	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	Nữ	24	120	09	Uyên	
2	000621	1201031150	Lê Ngọc	Yến	31/01/2006	QT12B	Nữ	24	119	18	Yến	
3	000622	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	Nữ	25	115	Khánh	Anh	BB
4	000623	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	Nữ	25	118	16	Anh	
5	000624	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	Nữ	25	117	16	Anh	
6	000625	1201030719	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	13/03/2006	QT12C	Nữ	25	116	12	Anh	
7	000626	1201030725	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/02/2006	QT12C	Nữ	25				HP,ĐK
8	000627	1201030734	Quản Vân	Anh	10/07/2006	QT12C	Nữ	25	114	10	Anh	
9	000628	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	Nữ	25	113	12	Anh	
10	000629	1201031769	Nguyễn Đức	Cánh	13/03/2006	QT12C	Nam	25				HP,ĐK
11	000630	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	Nam	25	112	12	Đặng	
12	000631	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	Nam	25	108	09	Đạt	
13	000632	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	Nam	25	111	13	Đức	
14	000633	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	Nữ	25	110	10	Dung	
15	000634	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	Nữ	25	117	10	Dương	
16	000635	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	Nam	25	96	20	Dương	
17	000636	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	Nam	25	111	19	Duy	
18	000637	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	Nữ	25	109	23	Hà	
19	000638	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	Nam	25	108	03	Hải	
20	000639	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	Nữ	25	109	11	Hằng	
21	000640	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	Nam	25				
22	000641	1201031553	Bê Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	Nữ	25	107	14	Hoài	
23	000642	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	Nam	25	101	10	Hoàng	
24	000643	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	Nam	25	106	23	Hùng	Hùng
25	000644	1201030860	Đỗ Duy	Hưng	29/09/2006	QT12C	Nam	25				HP,ĐK
26	000645	1201031660	Nguyễn Văn	Hưng	05/12/2006	QT12C	Nam	25				HP,ĐK
27	000646	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	Nữ	25	104	19	Huyền	
28	000647	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	Nữ	25	94	19	Khánh	
29	000648	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	Nam	26	103	23	Khoa	
30	000649	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	Nữ	26	105	20	Lan	HP
31	000650	1201030904	Đào Khánh	Linh	20/03/2006	QT12C	Nữ	26				HP,ĐK
32	000651	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	Nữ	26	115	19	Linh	
33	000652	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	Nữ	26	95	15	Linh	
34	000653	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	Nam	26	93	24	Long	

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 01

Ngày 08 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Văn

CBCT2

Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000654	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	Nữ	26	118	10	ly	
2	000655	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	Nam	26	91	18	Mạnh	
3	000656	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	QT12C	Nam	26	93	23	Minh	
4	000657	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	Nam	26				HP,ĐK
5	000658	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	Nữ	26	94	10	My	
6	000659	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	Nam	26	120	14	Ngọc	
7	000660	1201031007	Phạm Thị Yên	Nhi	03/09/2006	QT12C	Nữ	26	114	21	Nhi	
8	000661	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	Nam	26	92	20	Quân	
9	000662	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	Nữ	26	119	11	Quỳnh	
10	000663	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	Nam	26				HP Vắng
11	000664	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	Nữ	26	117	18	Thảo	
12	000665	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	Nam	26	95	30	Thọ	
13	000666	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	Nữ	26	101	03	Trang	
14	000667	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	Nữ	26	116	17	Trang	
15	000668	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	QT12C	Nữ	26	113	12	Trang	
16	000669	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	Nữ	26	112	12	Trang	
17	000670	1201031109	Vũ Thị Huyền	Trang	27/11/2006	QT12C	Nữ	26	109	07	Trang	
18	000671	1201031121	Phạm Đức Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	Nam	26	111	10	Tuấn	
19	000672	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	Nam	26	110	04	Ước	
20	000673	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	Nam	27	107	19	An	
21	000674	1201030705	Hoàng Thị Mai	Anh	16/11/2006	QM12A	Nữ	27				ĐK
22	000675	1201030716	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	09/04/2006	QM12A	Nam	27				HP Vắng
23	000676	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	Nữ	27	108	20	Anh	
24	000677	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	Nữ	27	102	23	Anh	
25	000678	1201030738	Trần Việt	Anh	20/07/2006	QM12A	Nam	27				HP,ĐK
26	000679	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	Nữ	27	104	20	Anh	
27	000680	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	Nam	27	103	20	Cao	
28	000681	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	Nữ	27				ĐK
29	000682	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	Nam	27				Vắng
30	000683	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	Nam	27				HP,ĐK
31	000684	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	Nam	27	106	08	Đức	
32	000685	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	Nữ	27	100	16	Thùy	
33	000686	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	Nữ	27	105	08	Duyên	
34	000687	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	Nam	27	99	04	Giang	

Tổng số sinh viên dự thi: 26...

Tổng số tờ giấy thi: 26...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Vân

CBC72
Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000688	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	Nữ	27	120	6,0	Hà	
2	000689	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	Nam	27	119	14	Hào	
3	000690	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	Nam	27	91	15	Hiếu	
4	000691	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	Nam	27				ĐK
5	000692	1201030859	Đình Văn	Hưng	14/04/2006	QM12A	Nam	27	92	12	Hưng	
6	000693	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	Nữ	27	98	21	Hương	
7	000694	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	Nữ	27				HP,ĐK
8	000695	1201030906	Đình Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	Nữ	27	94	15	Linh	
9	000696	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	Nữ	27	93	04	Linh	
10	000697	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	Nữ	27				HP,ĐK
11	000698	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	Nữ	27	95	13	Linh	
12	000699	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	Nam	27	117	05	Long	
13	000700	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	Nam	28	118	20	LONG	
14	000701	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	Nữ	28	114	19	Ly	
15	000702	1201030953	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	05/08/2006	QM12A	Nữ	28	108	15	Mai	
16	000703	1201031649	Đình Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	Nam	28	105	20	Minh	
17	000704	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	Nam	28	116	07	Minh	
18	000705	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	Nữ	28	104	07	Trà	
19	000706	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	Nữ	28	113	08	Ngân	
20	000707	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	Nữ	28	110	05	ngoc	
21	000708	1201031001	Đình Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	Nữ	28	109	08	Nguyệt	
22	000709	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	Nữ	28	106	15	Oanh (mười lăm)	
23	000710	1201031019	Dương Thị Hà	Phương	12/09/2006	QM12A	Nữ	28	111	10	Phường	
24	000711	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	QM12A	Nữ	28	115	24	Phạm	
25	000712	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	Nữ	28	107	13	Quyên	

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Tổng số tờ giấy thi: 22

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Ngày tháng năm

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Mùi Hà

Nguyễn Thị Pháo



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000713	1201031605	Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	Nam	28	120	09	Son	
2	000714	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	Nam	28	112	05	Thái	
3	000715	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	Nữ	28	119	05	Thảo	
4	000716	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	Nữ	28	118	06	Thảo	
5	000717	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	Nữ	28	115	22	Thu	
6	000718	1201031078	Đỗ Thị	Thùy	29/10/2006	QM12A	Nữ	28	117	07	Thùy	
7	000719	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	Nữ	28	116	08	Thùy	
8	000720	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	Nữ	28	111	05	Trà	
9	000721	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	Nữ	28				
10	000722	1201031112	Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	Nữ	28	114	05	Trinh	
11	000723	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	Nữ	28	113	18	Tú	
12	000724	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	Nam	28	119	18	Tùng	
13	000725	1201031134	Nguyễn Phương	Uyên	12/10/2005	QM12A	Nữ	28				HP,ĐK
14	000726	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	Nam	28	118	05	Vĩ	
15	000727	1201031816	Lê Quang	Vinh	25/01/2004	QM12A	Nam	28	117	không	th	
16	000728	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	Nữ	29	115	10	Anh	
17	000729	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	Nữ	29	116	07	Anh	
18	000730	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	Nữ	29	112	16	Anh	
19	000731	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	Nam	29	117	20	Anh	
20	000732	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	Nữ	29	114	22	Anh	
21	000733	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	Nữ	29	111	09	Anh	
22	000734	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	Nữ	29	110	05	Châm	
23	000735	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	Nữ	29	107	20	Chiều	
24	000736	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	Nữ	29	109	22	Dương	
25	000737	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	Nam	29				
26	000738	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	Nữ	29	108	19	Giang	
27	000739	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	Nữ	29	106	17	Hà	
28	000740	1101030537	Lưu Thu	Hà	23/01/2005	QM12B	Nữ	29	104	19	Hà	
29	000741	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	Nữ	29	105	15	Hào	
30	000742	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	Nữ	29	103	09	Hiên	
31	000743	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	Nam	29	101	17	Hiếu	
32	000744	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	Nam	29	102	05	Hùng	
33	000745	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	Nữ	29	100	04	Huyền	
34	000746	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	Nam	29	99	10	VKiên	

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 08... tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2.

Tg
Trần T Thu Trang

Hồ Thị Tam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000747	1201030896	Trần Thanh	Lâm	08/02/2005	QM12B	Nam	29				HP,ĐK
2	000748	1201030905	Đinh Nguyễn Hải	Linh	19/03/2006	QM12B	Nữ	29				HP
3	000749	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	Nữ	29	130	Khánh	Linh	BB.
4	000750	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	Nữ	29	190	20	linh	
5	000751	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	Nữ	29	148	22	linh	
6	000752	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	Nữ	29	197	20	linh	
7	000753	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	Nữ	29	146	22	linh	
8	000754	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	Nữ	30	145	20	Phan	
9	000755	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	Nam	30	142	24	long	
10	000756	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	Nam	30				ĐK
11	000757	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	Nữ	30	143	18	Mai	
12	000758	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	Nam	30	135	12	Minh	
13	000759	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	Nữ	30	128	19	Ngoan	
14	000760	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	Nữ	30	136	21	Ngọc	
15	000761	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	Nữ	30	144	19	Canh	
16	000762	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	Nam	30	141	15	Phúc	
17	000763	1201031020	Lê Thị Thu	Phương	29/10/2006	QM12B	Nữ	30	137	13	Phương	
18	000764	1201031027	Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	Nữ	30				ĐK
19	000765	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	Nam	30	140	10	Quang	
20	000766	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	Nam	30	138	14	Sang	
21	000767	1201031046	Phạm Thái	Sơn	21/07/2006	QM12B	Nam	30	139	22	Sơn	
22	000768	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	Nữ	30	129	17	Tâm	
23	000769	1201031055	Phạm Tiến	Thành	08/09/2006	QM12B	Nam	30				HP,ĐK
24	000770	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	Nữ	30	134	16	Thuy	
25	000771	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	Nữ	30	133	19	Thủy	

Tổng số sinh viên dự thi: 19, 20
Tổng số tờ giấy thi: 19, 20
Tổng số biên bản: 01

Ngày 8... tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Đào T. H. Lam

Ngô T. C. Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000772	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	Nữ	30	147	05	Thúy	
2	000773	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	Nam	30	143	17	Tiến	
3	000774	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	Nữ	30	149	22	Trang	
4	000775	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	Nữ	30	148	17	Trang	
5	000776	1201031575	Nguyễn Việt	Trình	19/09/2006	QM12B	Nữ	30	150	06	Trình	
6	000777	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	Nữ	30	145	21	Tú	
7	000778	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyền	06/08/2006	QM12B	Nam	30	146	16	Tuyền	
8	000779	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	Nam	31	141	18	Trung	
9	000780	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	Nữ	31	140	19	An	
10	000781	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	Nam	31				
11	000782	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	Nữ	31	144	17	Anh	
12	000783	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	Nữ	31	142	24	H. Anh	
13	000784	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	Nữ	31	139	07		
14	000785	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	Nam	31	137	21	Bách	
15	000786	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	TM12A	Nam	31	134	20	Cương	
16	000787	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	Nam	31	136	23	Đức	
17	000788	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	Nam	31	138	14	Đức	
18	000789	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	Nam	31	130	21	H. Đức	
19	000790	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	Nam	31	133	08	Đức	
20	000791	1201080554	Ngô Hoàng Anh	Dương	07/01/2006	TM12A	Nữ	31	132	15	Dương	
21	000792	1201080555	Phạm Quang	Dương	24/12/2006	TM12A	Nam	31				HP,ĐK
22	000793	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	Nữ	31	135	18	Duyên	
23	000794	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	Nữ	31	131	22	Duyên	
24	000795	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	Nữ	31	129	18	Giang	
25	000796	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	Nữ	31	128	18	Huệ	
26	000797	1201080565	Lê Thế	Hưng	21/08/2006	TM12A	Nam	31	127	23	Hưng	
27	000798	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	Nữ	31	123	17	Linh	
28	000799	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	Nữ	31	124	18	Linh	
29	000800	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	Nữ	31	125	24	Mai	
30	000801	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	Nữ	31	126	23	Linh	
31	000802	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	Nam	31	122	15	Long	
32	000803	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	Nữ	31	137	23	Mai	
33	000804	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	Nữ	31	144	16	Mai	

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 02.....

Ngày 08 tháng 01 năm 2026 ✓

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thanh Mai

Trần Thanh Mai



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000805	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	Nữ	32	142	20	Hoa	HP
2	000806	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	Nam	32	145	18	Chiến	
3	000807	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	Nam	32	149	17	Mạnh	
4	000808	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	Nam	32	150	22	Mạnh	
5	000809	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	Nữ	32	148	17	Minh	
6	000810	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	Nữ	32	146	20	My	
7	000811	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	Nữ	32	138	21,5	Thu	
8	000812	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	Nữ	32	45	21	Ngọc	
9	000813	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	Nữ	32	144	18	Như	
10	000814	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	Nữ	32	143	17	Nhung	
11	000815	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	Nữ	32	141	15	Oanh	
12	000816	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	Nam	32	1393	13,5	Tài	Tài
13	000817	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	Nữ	32	139	22	Thảo	
14	000818	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	Nữ	32	140	20,5	Thanh	
15	000819	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	Nữ	32	137	24	Thảo	
16	000820	1201081799	Dương Đình	Thị	14/06/2004	TM12A	Nam	32				HP,ĐK
17	000821	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	Nữ	32	136	9,0	Thương	
18	000822	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	Nữ	32	135	5,0	Thúy	
19	000823	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	Nữ	32	134	11	Thùy	
20	000824	1201080609	Nguyễn Bích	Thủy	04/04/2005	TM12A	Nữ	32	150	Khủng	Thủy	B.8
21	000825	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	TM12A	Nữ	32	131	20	Trang	
22	000826	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	Nữ	32	122	18	Trang	
23	000827	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	Nữ	32	130	17	Uyên	
24	000828	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	Nữ	32	129	8,0	Yến	
25	000829	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	Nữ	32	127	15	Yến	
26	000830	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	Nam	33	128	16,5	Anh	
27	000831	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	Nữ	33	126	7,0	Anh	
28	000832	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	Nữ	33	125	17	Hiền	
29	000833	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	Nữ	33	121	14	Hiền	
30	000834	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	Nam	33				Vấn
31	000835	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	Nữ	33	124	15	Huế	HP
32	000836	1201070642	Đinh Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	Nam	33	140	17	Huy	
33	000837	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	Nữ	33	125	15	Ngọc	
34	000838	1201070661	Thiều Quý	Phúc	02/04/2005	KL12A	Nam	33	131	8,0	Phúc	

Tổng số sinh viên dự thi: 32...

Tổng số tờ giấy thi: 32...

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 8... tháng 4... năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Tâm

CBCT 2

Nguyễn Văn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000839	1201070681	Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	Nữ	33	150	17	<i>Trang</i>	
2	000840	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	Nữ	33	148	17	<i>Yến</i>	
3	000841	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	Nữ	33	143	17	<i>Anh</i>	
4	000842	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	Nữ	33	142	7,0	<i>Chiên</i>	
5	000843	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	Nam	33	129	18	<i>Cường</i>	HP
6	000844	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	Nữ	33	149	12	<i>Hà</i>	
7	000845	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	Nữ	33	144	22	<i>Lan</i>	
8	000846	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	Nữ	33	146	8,0	<i>Linh</i>	
9	000847	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	Nam	33	147	5,0	<i>Linh</i>	
10	000848	1201070658	Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	Nữ	33	145	21	<i>Nhung</i>	
11	000849	1201070663	Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	Nữ	33	141	5,0	<i>Phương</i>	
12	000850	1201070668	Tạ Khắc	Sơn	05/12/2006	QL12A	Nam	33	137	22	<i>Sơn</i>	
13	000851	1201070671	Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	Nữ	33	138	14	<i>Thanh</i>	
14	000852	1201070672	Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	Nữ	33	139	21	<i>Thảo</i>	
15	000853	1201070677	Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	Nữ	33	136	14	<i>Trà</i>	
16	000854	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	QL12A	Nữ	33	135	23	<i>Trang</i>	
17	000855	1201070682	Đinh Vũ Việt	Trình	01/10/2006	QL12A	Nữ	33	133	21	<i>Trình</i>	
18	000856	1201070687	Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	Nam	33	132	11	<i>Việt</i>	
19	000857	1201070688	Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	Nam	33	128	16	<i>Vinh</i>	
20	000858	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	Nữ	33	134	19	<i>Vy</i>	
21	000859	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	Nam	34	130	23	<i>An</i>	
22	000860	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	Nữ	34	131	23	<i>Anh</i>	
23	000861	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	Nữ	34	126	20	<i>Anh</i>	
24	000862	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	Nữ	34	1207	10	<i>Chi</i>	
25	000863	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	Nam	34	125	20	<i>Dũng</i>	

Tổng số sinh viên dự thi: *25*...

Tổng số tờ giấy thi: *25*...

Tổng số biên bản: *0*.....

Cán bộ coi thi 1

Shu

Lê Thị Như Hà

Ngày *08* tháng *01* năm *2016*

CBCT2

Le Thi Thanh

Le Thi Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000864	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	Nam	34				HP,ĐK
2	000865	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	Nữ	34	149	10	Duyên	
3	000866	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	Nữ	34	150	20	Giang	
4	000867	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	Nữ	34	142	20	Hoa	
5	000868	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	Nam	34	148	23	Hoàng	
6	000869	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	Nam	34	150	20	Hoàng	
7	000870	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	Nam	34	147	20	Huy	
8	000871	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	Nữ	34	141	10	Linh	
9	000872	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	Nữ	34	146	20	Ly	
10	000873	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	Nam	34				HP,ĐK
11	000874	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	Nữ	34	144	22	Nga	
12	000875	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	Nữ	34	145	22	Nga	
13	000876	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	Nữ	34	148	18	Ngọc	
14	000877	1201060519	Lê Thái	Nguyên	25/10/2006	KA12A	Nam	34	139	10	Nguyên	
15	000878	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	Nam	34	138	18	Nhật	
16	000879	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	Nữ	34	137	20	Quỳnh	
17	000880	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	Nữ	34	136	15	Tâm	
18	000881	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	Nữ	34	135	19	Thảo	
19	000882	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	Nữ	34	134	15	Thảo	
20	000883	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	Nữ	34	133	23	Thư	
21	000884	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	Nam	34	131	05	Toàn	
22	000885	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	Nữ	34	130	Không	Trang	
23	000886	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	Nam	34	129	24	Trung	
24	000887	1201060534	Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	Nam	34	132	22	Tú	
25	000888	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	Nam	34	128	17	Vũ	
26	000889	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	Nữ	34	127	19	Vy	
27	000890	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	Nữ	35	125	15	Anh	
28	000891	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	Nữ	35	126	08	Anh	
29	000892	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	Nữ	35	124	18	Anh	
30	000893	1201020099	Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	Nữ	35	123	15	Ánh	
31	000894	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	Nam	35	150	23	Đoàn	
32	000895	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	Nam	35	149	20	Đức	
33	000896	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	Nữ	35	148	18	Dung	
34	000897	1201020129	Trần Trung	Dũng	12/11/2006	KC12A	Nam	35				

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 01

Ngày 8 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Hoàng T. H. Giang

H.T. Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (Văn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Mã đề	Điểm thi	Chữ ký	Ghi chú
1	000898	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	Nữ	35	150	15	Linh	
2	000899	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	Nữ	35	149	23	Mai	
3	000900	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	Nam	35	145	15	Minh	
4	000901	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	Nữ	35	121	21	Tâm	
5	000902	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	Nữ	35	123	24	Thu	
6	000903	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	Nữ	35	124	08	Vi	
7	000904	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL11A	Nam	35				Vắng
8	000905	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	Nam	35	122	17	Biên	HP
9	000906	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	Nam	36				Vắng
10	000907	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	Nữ	36	143	09	Anh	
11	000908	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	Nữ	36	145	14	Ánh	
12	000909	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	Nam	36	125	15	Định	
13	000910	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	Nam	36	147	20	Giang	
14	000911	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	Nữ	36	146	10	Hạnh	
15	000912	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	Nữ	36	144	Không	Huệ	BB.
16	000913	1201040021	Đặng Duy	Hưng	07/10/2006	CT12A	Nam	36				ĐK
17	000914	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	Nam	36				Vắng
18	000915	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	Nam	36				HP
19	000916	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	Nữ	36	136	21	Huyền	
20	000917	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	Nam	36	141	05	Khánh	
21	000918	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	Nữ	36	145	10	Linh	
22	000919	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	Nữ	36	142	18	Linh	
23	000920	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	Nữ	36	140	08	Linh	
24	000921	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	Nam	36	139	23	Long	
25	000922	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	Nam	36	137	09	Minh	
26	000923	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	Nam	36	138	22	Phong	
27	000924	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	Nam	36	133	20	Tài	
28	000925	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	Nam	36	134	09	Thành	
29	000926	1201040039	Ngô Thị Minh	Thu	20/08/2006	CT12A	Nữ	36	131	17	Thu	
30	000927	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	Nữ	36	130	14	Trang	
31	000928	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	Nam	36	129	18	Tuấn	
32	000929	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	Nam	36				HP, ĐK
33	000930	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05-12-2005	KD11B	Nữ	35	132	19	Thùy	

Tổng số sinh viên dự thi: 27....

Tổng số tờ giấy thi: 27....

Tổng số biên bản: 04.....

Ngày 08 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Đặng Thị Hiền

CBCS2

Ngô Thảo